



CÔNG TY CỔ LILAMA 45.4

Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4



2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
Định hướng phát triển
Rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình hoạt động đầu tư
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Ban điều hành
Những thay đổi trong HĐQT, BKS, Ban điều hành
Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của Hội đồng quản trị
Hoạt động của Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015

THÔNG TIN CHUNG



- ✓ Thông tin khái quát
- ✓ Quá trình hình thành và phát triển
- ✓ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ✓ Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- ✓ Định hướng phát triển
- ✓ Rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4
Tên tiếng anh	: LILAMA 45.4 JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: LILAMA 45.4 JSC
Giấy CNĐKDN	: Số 3600255703 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 14/08/2006, thay đổi lần thứ 4 ngày 11/02/2015
Vốn điều lệ	: 40.000.000.000 VNĐ
Địa chỉ	: KCN Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại	: (061) 3 838 188
Số fax	: (061) 3 838 008
Website	: www.lilama454.com.vn
Email	: Lilama454vnn@vnn.vn
Mã cổ phiếu	: L44

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Lilama 45.4 (L44) là một doanh nghiệp hạng I thuộc Tổng Công ty lắp máy Việt Nam (LILAMA) chuyên nhận thầu xây lắp, gia công chế tạo thiết bị, kết cấu thép các công trình công nghiệp và dân dụng trong và ngoài nước. Thành lập từ năm 1979 đến nay Công ty đã tham gia lắp đặt hàng trăm công trình lớn nhỏ trên khắp mọi miền đất nước, đã và đang đưa vào sử dụng đạt chất lượng cao. Hơn 35 năm hoạt động và phát triển, Công ty Lilama 45.4 luôn giữ được tín nhiệm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước về chất lượng, tiến độ thi công và các dịch vụ bảo hành, bảo trì chu đáo.



THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Các giải thưởng, bằng khen

- Đạt cúp vàng ISO 2007
- Chứng nhận ISO 9001:2000
- Huân chương Độc lập hạng Ba
- Huân chương Lao động hạng Nhất
- Huân chương Lao động Nhất-Nhì-Ba cho cá nhân và tập thể Lilama 45.4
- Giấy khen Huy chương vàng Chất lượng cao ngành xây dựng Việt Nam

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Lắp đặt thiết bị, kết cấu thép các công trình công nghiệp
- Chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn, bồn bể các công trình công nghiệp
- Bảo trì bảo dưỡng các dây chuyền sản xuất, nhà máy điện, xi măng, hóa chất,...
- Ngành nghề khác

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trụ sở chính của Công ty nằm tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Địa bàn kinh doanh: Do đặc thù của công ty là kinh doanh xây lắp, gia công chế tạo thiết bị, kết cấu thép các công trình công nghiệp và dân dụng, nên công ty có địa bàn hoạt động thay đổi tùy theo từng dự án cả trong nước và ngoài nước. Nhưng địa bàn kinh doanh chính của Công ty là trong lãnh thổ nước Việt Nam.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thông qua các chủ trương, chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, với cơ cấu hiện nay, Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên do ĐHĐCĐ bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty Quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

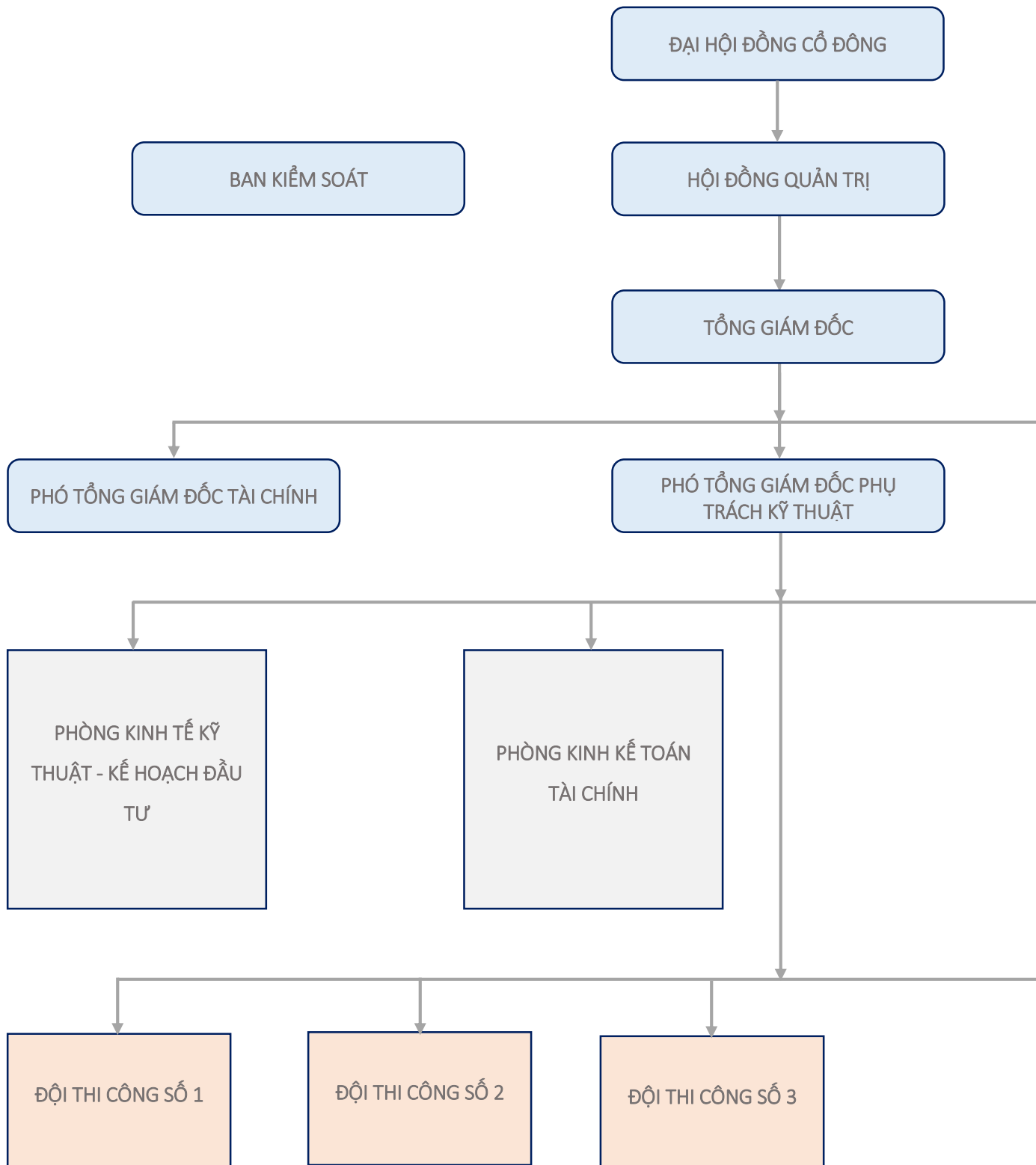
HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Mọi quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT được Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty quy định.

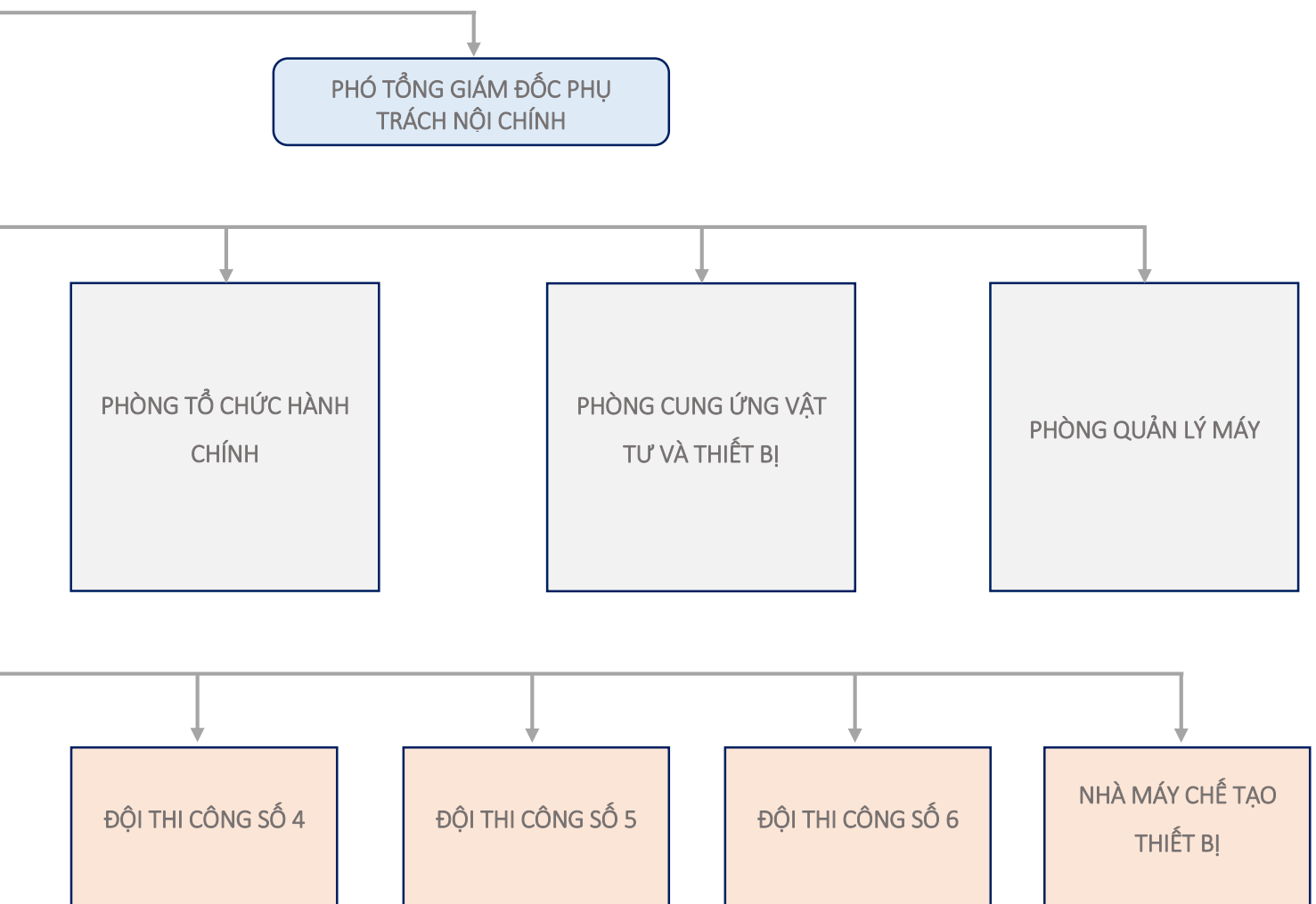
Ban kiểm soát: Ban kiểm soát gồm có 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Nhiệm vụ kiểm tra, giám sát cụ thể trong năm:

- Kiểm tra tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD hàng năm;
- Kiểm tra báo cáo tài chính năm;
- Nhận xét, đánh giá công tác điều hành của HĐQT, Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD, các nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT trong năm.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

Tổng giám đốc: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và trước pháp luật trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện tất cả các hoạt động theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc điều hành và pháp luật. Các Phó Tổng Giám đốc được sự phân công, phân nhiệm của Tổng Giám đốc trong việc triển khai công tác lãnh đạo, điều hành Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và trước pháp luật trong phạm vi được phân công và ủy quyền.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Mục tiêu phát triển:

Đôi với thị trường: Cung cấp các dịch vụ xây lắp, sản phẩm cơ khí chế tạo, dịch vụ đại tu, sửa chữa, bảo dưỡng công trình công nghiệp đạt chất lượng và giá cả cạnh tranh.

Đôi với cổ đông và đối tác: Đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển; cam kết đồng hành cùng các đối tác trên con đường phát triển; đối với cổ đông Công ty phấn đấu đem lại mức cổ tức tăng trưởng qua từng năm; luôn gia tăng các giá trị đầu tư hấp dẫn và bền vững.

Đôi với CBCNV: Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và văn hóa; tạo điều kiện nâng cao thu nhập và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả cán bộ công nhân viên.

Đôi với xã hội: Kết hợp hài hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội; đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội hướng về cộng đồng, thể hiện tinh thần trách nhiệm công dân.

Đôi với môi trường: Tiết kiệm năng lượng tối đa, hạn chế tối thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Tâm nhìn:

Lilama 45.4 phấn đấu trở thành nhà thầu chuyên nghiệp trong ngành xây lắp, chế tạo, tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập và nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động toàn Công ty.

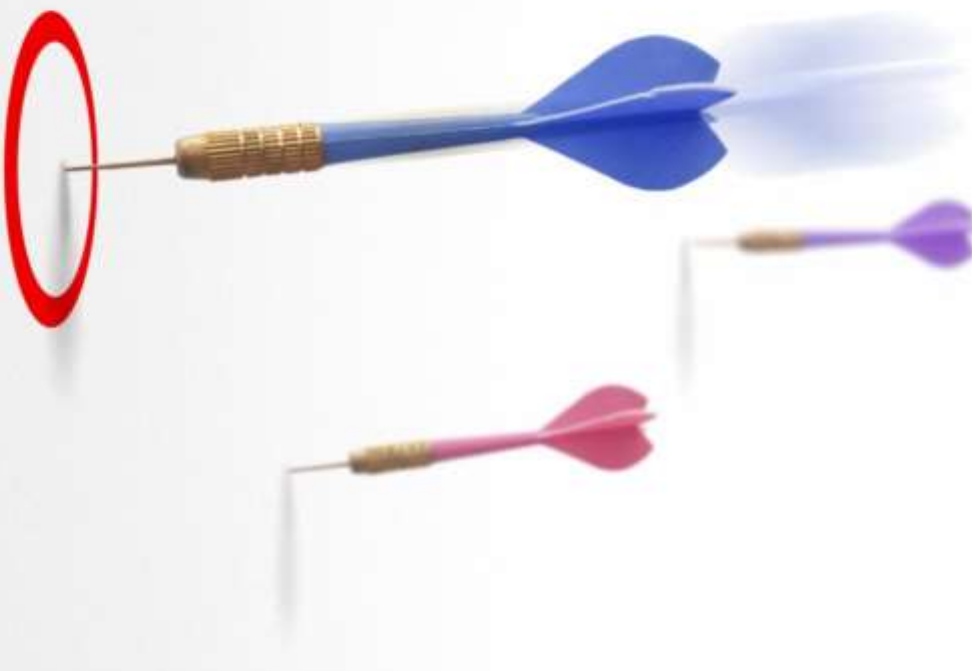
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Với quy mô của một doanh nghiệp vừa và nhỏ, Lilama 45.4 sẽ lấy hoạt động xây lắp, chế tạo là lĩnh vực sản xuất kinh doanh trọng tâm và tập trung củng cố, phát triển các nguồn lực sẵn có nhằm khai thác thị trường hiện có cũng như thâm nhập các phân khúc thị trường mới đối với mảng chế tạo, bảo trì bảo dưỡng cho các khu công nghiệp, các nhà máy, dây chuyền sản xuất trong khu công nghiệp...

Bên cạnh việc tập trung nguồn lực (con người và cơ sở vật chất) để củng cố vị thế và thương hiệu trong lĩnh vực hoạt động truyền thống hiện nay như lắp đặt các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện gió...; Lilama 45.4 cũng đang hướng đến tận dụng nguồn lực sẵn có để khai thác thêm mảng cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa cho các nhà máy, dây chuyền sản xuất trong các khu công nghiệp các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Theo đó, việc trọng tâm hóa thị trường sẽ ít nhiều giúp Công ty khắc phục được hạn chế về vốn, cơ sở vật chất cũng như con người nhờ vào việc tận dụng nguồn lực của Công ty cũng như tranh thủ uy tín với các đối tác hiện tại trong lĩnh vực thủy điện, nhiệt điện, phong điện,...

Định hướng mục tiêu này hứa hẹn sẽ giúp Công ty đạt được vị thế vững chắc trong ngành nghề truyền thống của mình cũng như tận dụng nguồn lực, khai thác tối đa tiềm năng thị trường để hướng tới vị trí các doanh nghiệp xây lắp uy tín trong và ngoài nước.



RỦI RO

Rủi ro chung của nền kinh tế

Hoạt động của CTCP Lilama 45.4 chịu ảnh hưởng từ sự biến động của nền kinh tế. Khi kinh tế phát triển thì nhu cầu xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp cũng như các công trình xây dựng khác sẽ gia tăng, điều này tạo ra nhiều cơ hội giúp cho L44 thuận lợi hơn trong quá trình hoạt động của mình và ngược lại.

Năm 2015 vừa qua, tình hình kinh tế thế giới vẫn đang trong quá trình phục hồi với nhiều sắc thái khác nhau, nhưng nhìn chung vẫn cảnh trở lại thời kỳ tăng trưởng tích cực vẫn còn chưa rõ ràng. Một số dự án chuẩn bị đầu tư, nhà đầu tư gặp nhiều khó khăn đã rút vốn không tiếp tục đầu tư, ảnh hưởng nhiều đến thị trường tiềm năng của Công ty.

- Tập trung vào các thị trường truyền thống như công ty mẹ, EVN, TKV đồng thời tích cực tìm giải pháp đa dạng hóa thị trường của Công ty.

Rủi ro thanh toán

Do đặc thù của ngành nghề, thời gian thi công các công trình kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao được thực hiện theo từng giai đoạn, nên thời gian quyết toán thu hồi vốn thường diễn ra chậm ảnh hưởng đến các chỉ số khả năng thanh toán của Công ty. Tình hình tài chính tiếp tục gặp nhiều khó khăn, mất cân đối tài chính lớn. Ảnh hưởng lớn đến khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Với mục đích đảm bảo khả năng thanh toán, L44 luôn chú ý theo dõi công nợ, phân tích về khả năng thanh toán của Công ty để hiểu rõ nguyên nhân làm khả năng thanh toán thay đổi từ đó có các biện pháp điều chỉnh nhằm hạn chế tối thiểu rủi ro thanh toán.



Rủi ro cạnh tranh

Việt Nam đang có những bước đi rộng mở hơn bao giờ hết với nền kinh tế của Thế giới qua những hiệp định thương mại, kinh tế đã và đang trong quá trình đàm phán và hoàn tất. Tiến trình này sẽ thu hút mạnh các nhà đầu tư ngoại tham gia vào nền kinh tế, tạo nên sự đa dạng trong cả cung và cầu, song song đó là sự cạnh tranh mạnh mẽ do hội nhập mang lại. Những năm qua Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp theo đề án đã được ĐHQĐ thông qua nhằm nâng cao năng lực quản trị, hoạt động của mình. Ngoài ra, với những lợi thế về sự am hiểu trong ngành xây lắp, uy tín và các mối quan hệ với đối tác, khách hàng được thiết lập trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã và đang xây dựng và bồi đắp những giá trị bền vững để chuẩn bị sẵn sàng cho mọi hoạt động trong tương lai.

- Giữ vững uy tín bằng cách đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình, thực hiện đầy đủ trách nhiệm như đã cam kết nhằm duy trì niềm tin của khách hàng, đối tác.
Có kế hoạch đào tạo nhân sự của Công ty góp phần nâng cao năng lực quản trị, năng lực thi công sản xuất từ đó có thể đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
Duy trì mối quan hệ tốt với đối tác, khách hàng. Không ngừng tìm kiếm và khai thác khách hàng mới.

Rủi ro lãi suất

Năm 2015, mặc dù số liệu đầu kỳ và cuối kỳ không chênh lệch nhiều nhưng khoản mục vay ngắn hạn có sự biến động tăng, giảm khá lớn. Khi lãi suất thay đổi, chi phí lãi vay và lợi tức nhận được từ các khoản vay sẽ bị ảnh hưởng từ đó tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.

- Công ty luôn bám sát diễn biến thị trường tài chính để có nhận định đúng về tình hình lãi suất từ đó có các biện pháp hợp lý hạn chế rủi ro này.

Rủi ro môi trường

Vì hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp nặng nên Công ty có những tác động nhất định đến môi trường. Các yếu tố tác động có thể kể đến là khí thải khói hàn, bụi kim loại, tiếng ồn trong quá trình vận hành máy móc để thi công...

- Công ty luôn tuân thủ các chính sách, quy định về môi trường, lựa chọn áp dụng công nghệ tiên tiến đồng thời chủ động thay đổi những công đoạn không phù hợp trong quá trình sản xuất để giảm thiểu đến mức thấp nhất tác động đến môi trường.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ✓ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✓ Tình hình hoạt động đầu tư
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	TH/ KH 2015	TH 2015/2014
Giá trị sản lượng	287.185.000.000	340.000.000.000	221.000.000.000	65,00%	76,95%
Doanh thu	192.378.332.563	250.000.000.000	145.837.583.737	58,34%	75,81%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.002.798.597	1.500.000.000	342.468.683	22,83%	34,15%
Vốn điều lệ	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	100,00%	100,00%
Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn điều lệ	2,51%	3,75%	0,86%	22,93%	34,26%
Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu	0,52%	0,60%	0,23%	38,33%	44,23%
Nộp NSNN	5.398.740.148	8.962.000.000	2.741.674.039	30,59%	50,78%
Thu nhập bình quân người/tháng	6.150.471	6.000.000	6.510.000	108,50%	105,85%
Dự kiến chia cổ tức	0%	0%	0	-	-
Đầu tư XDCB	1.080.328.963	3.000.000.000	604.000.000	20,13%	55,91%

Năm qua Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động vì vấn đề tài chính. Nguồn vốn chưa đủ để thực hiện các công trình vì vậy phải sử dụng đòn cân nợ cao, trong khi đó hầu hết các dự án đều có thời gian thi công kéo dài nên việc thu hồi vốn chậm. Các chỉ tiêu hoạt động vì vậy mà chưa đạt kế hoạch đề ra.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Trong năm 2015 đã hoàn thành việc đầu tư và đã đưa vào sử dụng nhà xưởng phun bi, đã ghi tăng TSCĐ của Công ty năm 2015, giá trị 1,122 tỷ đồng. Trong năm 2015 Công ty cũng đã tăng cường đầu tư mua sắm mới một số máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất kinh doanh như Máy nén khí trục vít Micos, máy hàn Tig, máy hàn bán tự động Mig, máy đo khí.....

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	Tỷ lệ (%) 2015/2014
1	Tổng giá trị tài sản	317.882.919.200	221.005.000.000	69,52%
2	Doanh thu thuần	192.378.332.563	145.837.583.737	75,81%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	1.801.538.402	934.529.274	51,87%
4	Lợi nhuận khác	(798.739.805)	(592.060.591)	74,12%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.002.798.597	342.468.683	34,15%
6	Lợi nhuận sau thuế	682.144.047	164.262.631	24,08%
7	Tỷ lệ cổ tức/ mệnh giá (%)	0%	0%	-

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2014
1	Khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,13	1,14
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,29	0,35
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	84,04%	81,56%
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	526,44%	442,40%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,51	0,85
-	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,43	0,59
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,11%	0,35%
-	Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,28%	1,16%
-	Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,05%	0,21%
-	Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,64%	0,94%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần phát hành: 4.000.000 cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.980.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Cổ phiếu quỹ: 20.000 CP.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TÍNH ĐẾN NGÀY 18/03/2016

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Cổ đông trong nước	442	3.983.200	99,58%
Cổ đông nước ngoài	04	16.800	0,42%
Tổng cộng	446	4.000.000	100,00%
Cổ đông lớn	01	1.842.346	46,06%
Cổ đông nhỏ	445	2.157.654	53,94%
Tổng cộng	446	4.000.000	100,00%
Cổ đông tổ chức	09	1.865.670	46,64%
Cổ đông cá nhân	437	2.134.330	53,36%
Tổng cộng	446	4.000.000	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	1.842.346	46,06%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU: Không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Ban điều hành
- ✓ Những thay đổi trong HĐQT, BKS, Ban điều hành
- ✓ Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú	Chức danh tại tổ chức khác	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ông Hoàng Văn Dư	Chủ tịch	Thành viên không điều hành	Không	195.000	4,875%
Ông Nguyễn Bá Súng	Thành viên	Kiểm Tổng giám đốc	Không	0	0
Ông Hoàng Văn Hà	Thành viên	Kiểm Phó Tổng giám đốc	Không	36.912	0,923%
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	Kiểm Kế toán trưởng	Không	80.000	2,000%
Ông Vũ Thế Phương	Thành viên	Thành viên không điều hành	Không	6.608	0,165%

SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

➤ Ông Hoàng Văn Dư – Thành viên HĐQT không điều hành

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	21/01/1957
Nguyên quán:	Tiền Lữ- Hưng Yên
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế, cơ khí
Chức vụ hiện nay:	Chủ tịch HĐQT
<u>Quá trình công tác:</u>	
❖ 1980-1984	Xí nghiệp liên hợp lắp máy 69
❖ 1984-1985	Trường trung học Xây dựng số 1 Bộ Xây Dựng
❖ 1985-2007	Giám đốc XN10-4, Phó TGD Lilama 10, Giám đốc dự án Na Dương, Uông Bí, Nhon Trạch, Vũng Áng, Dung Quất.
❖ 12/2007-2014	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.4

SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

➤ Ông Nguyễn Bá Sứng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	18/08/1967
Nguyên quán:	Thôn Vĩnh Trung, Khai Thái. Phú Xuyên, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
<u>Quá trình công tác:</u>	
❖ 1992-1993	Kỹ thuật viên - Công ty kỹ nghệ thực phẩm Việt Nam – NM chế biến thực phẩm Bình Triệu, Tp.HCM
❖ 1993 - 1995	Kỹ thuật viên - Công ty Giấy Hiệp Hưng – TP.HCM
❖ 1995 - 1996	Kỹ thuật viên – Công ty Cơ khí Biên Hòa – Đồng nai
❖ 1996 - 2005	Kỹ thuật, Đội trưởng thi công – Công ty Lắp máy và xây dựng 45.1
❖ 2005 - 2011	Trưởng phòng kỹ thuật – Công ty CP Lilama 45.1
❖ 2012 - 2015	Phó giám đốc – Công ty CP Lilama 45.1
❖ Từ T1/2015 - nay	Tổng Giám đốc – Công ty CP Lilama 45.4

➤ Ông Hoàng Văn Hà – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1972
Nguyên quán:	Nghệ An
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
<u>Quá trình công tác:</u>	
❖ 1999-2002	Trưởng chỉ huy của Lilama 45.4 tại Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ I
❖ 2002-2005	Giám đốc nhà máy chế tạo cơ khí Lilama 45.4
❖ 2005-2008	Giám đốc Xí nghiệp lắp máy số 1 Công ty Lilama 45.4 tại dự án thủy điện sông Ba Hạ.
❖ 2008-Đến nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Lilama 45.4 kiêm Giám đốc Xí nghiệp lắp máy số 1 Công ty Lilama 45.4 tại dự án thủy điện sông Ba Hạ.

➤ **Ông Hoàng Tuấn Anh – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng**

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1983
Nguyên quán:	Đà Sơn Đô Lương, Nghệ An
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
<u>Quá trình công tác:</u>	
❖ 2006-2009	Ban Dự án Điện Cà Mau - Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam
❖ 2009-2013	Ban Dự án Điện Nhơn Trạch 2 - Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam
❖ 2013 đến nay	CTCP Lilama 45.4

➤ **Ông Vũ Thế Phương – Thành viên HĐQT không điều hành**

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	10/12/1982
Nguyên quán:	Xã Nghĩa Thái, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT không điều hành
<u>Quá trình công tác:</u>	
❖ 2005-2009	Kỹ thuật thi công công trình thủy điện Sông Ba Hạ - Cty CP Lilama 45.4
❖ 2009-2011	Giám đốc XN số 1 thi công công trình thủy điện A Lưới - Cty CP Lilama 45.4
❖ 2012 – nay	Đội trưởng thi công các công trình – Cty CP Lilama 45.4

BAN KIỂM SOÁT

CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ông Lê Đình Khanh	Trưởng Ban kiểm soát	500	0,013%
Ông Đặng Tiến Toàn	Thành viên	41.176	1,029%
Ông Nguyễn Kim Tuấn	Thành viên	20.000	0,50%

BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ông Nguyễn Bá Sứng	Tổng giám đốc	0	0
Ông Phan Cao Viên	Phó tổng giám đốc	0	0
Ông Tạ Văn Hùng	Phó tổng giám đốc	10.000	0,250%
Ông Hoàng Văn Hà	Phó Tổng giám đốc	36.912	0,923%
Ông Hoàng Tuấn Anh	Kế toán trưởng	80.000	2,000%

SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

- Ông Nguyễn Bá Sứng – Tổng Giám đốc (Xem thông tin ở mục Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị)
- Ông Hoàng Văn Hà – Phó Tổng Giám đốc (Xem thông tin ở mục Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị)
- Ông Hoàng Tuấn Anh – Kế toán trưởng (Xem thông tin ở mục Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị)

➤ **Ông Phan Cao Viên – Phó Tổng giám đốc**

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	01/09/1970
Nguyên quán:	Nam Triệu, Phú Xuyên, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Chức vụ hiện nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Lilama 45.4
<u>Quá trình công tác:</u>	
❖ 1996-2008	Cán bộ kỹ thuật Công ty CP Lilama 45.3
❖ 2008-2009	Phó giám đốc Công ty CP Lilama 45.3
❖ 2009-T3/2015	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Lilama 45.1
❖ T4/2015 - nay	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Lilama 45.4

➤ **Ông Tạ Văn Hùng – Phó Tổng giám đốc**

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	18/03/1963
Nguyên quán:	Xã Khánh Phương, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Chức vụ hiện nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Lilama 45.4
<u>Quá trình công tác:</u>	
❖ 1998 - 2000	Giám đốc XN 1 thi công công trình thủy điện Sông Hinh
❖ 2001-2002	Giám đốc XN 1 thi công công trình thủy điện Hàm Thuận
❖ 2003	Đội trưởng thi công nhà máy giấy Bình An
❖ 2004-2007	Đội trưởng thi công ông trình thủy điện Đa Nhim
❖ 2008-2011	Giám đốc XN số 2 thi công công trình thủy điện An Khê – Ka Nak
❖ 2012 – nay	Phó giám đốc Công ty

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

CTCP Lilama 45.4 trong năm có những thay đổi về Ban điều hành như sau:

- ✓ Ông Hoàng Văn Dư - Chủ tịch HĐQT Công ty thôi kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc kể từ ngày 29/01/2015 để tập trung cho công tác quản trị.
- ✓ Bổ nhiệm có thời hạn Ông Nguyễn Bá Sứng (người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam tại CTCP Lilama 45.4) giữ chức Tổng Giám đốc Công ty thay Ông Hoàng Văn Dư kể từ ngày 29/01/2015.
- ✓ Bổ nhiệm có thời hạn Ông Phan Cao Viên giữ chức Phó Tổng Giám đốc CTCP Lilama 45.4.

Thay đổi trong Hội đồng quản trị:

- ✓ Bổ nhiệm Ông Nguyễn Bá Sứng làm Thành viên HĐQT từ ngày 20/04/2015.
- ✓ Miễn nhiệm Ông Đào Văn Cường không còn là Thành viên HĐQT từ ngày 20/04/2015.

Trong năm Công ty không có sự thay đổi trong Ban kiểm soát

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

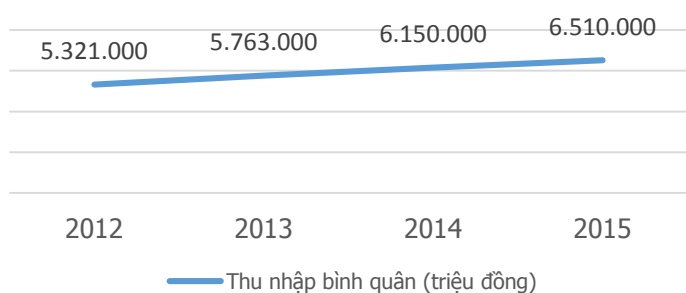
TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố then chốt quyết định sự vận hành của một doanh nghiệp, trong giai đoạn hội nhập hiện nay vấn đề này cần được quan tâm thích đáng để có thể nâng cao khả năng cạnh tranh trong quá trình hoạt động. Hiểu được điều này, Ban Giám đốc Công ty luôn chú trọng đầu tư thời gian, sức lực, và các nguồn lực khác để xây dựng một đội ngũ nhân sự nhiệt tình, tận tâm, làm việc hiệu quả.

Số lượng CBCNV

Tổng số lao động: 682 người

STT	Tính chất phân loại	2014		2015	
		Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
A	Theo trình độ	400	100%	682	100%
1	Trình độ đại học, trên đại học	60	15,00%	99	14,52%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	310	77,50%	229	33,58%
3	Khác	30	7,50%	354	51,91%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	400	100%	682	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	65	16,25%	75	11,00%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	238	59,50%	225	32,99%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	97	24,25%	382	56,01%



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- ✓ Cố gắng đảm bảo CBCNV nhận được đầy đủ quyền lợi lao động theo quy định về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- ✓ Hiện nay công ty đã xây dựng chế độ đãi ngộ mới, gắn liền hiệu quả công việc với thành quả lao động, thúc đẩy người lao động phát huy khả năng tối đa.
- ✓ Đào tạo tay nghề, kiến thức cho người lao động, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.
- ✓ Tập huấn an toàn lao động cho hầu hết CBCNV, đặc biệt là đơn vị thi công công trình, dự án.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ✓ **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**
- ✓ **Tình hình tài chính**
- ✓ **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý**
- ✓ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- ✓ **Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	TH 2015/2014	TH/KH 2015
Giá trị sản lượng	287.185.000.000	340.000.000.000	221.005.000.000	76,96%	65,00%
Doanh thu thuần	192.378.332.563	250.000.000.000	145.837.583.737	75,81%	58,34%
Lợi nhuận trước thuế	1.002.798.597	1.500.000.000	342.468.683	34,15%	22,83%
Lợi nhuận sau thuế	682.144.047	1.170.000.000	164.262.631	24,08%	14,04%
EPS (Đồng/Cổ phiếu)	171	294	36	21,05%	12,24%

Như đã đề cập, trong năm qua Công ty gặp nhiều khó khăn về tài chính do nguồn vốn hạn chế, một số công trình, dự án thực hiện kéo dài thời gian thi công dẫn đến tiến độ thanh toán chậm, gây tác động đến các dự án khác của Công ty. Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên Công ty đã nỗ lực để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo cân đối các khoản thu chi, thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty. Vì tiến độ trên, doanh thu thực hiện của Công ty chưa đảm bảo kế hoạch đề ra, đồng thời lợi nhuận cũng thấp hơn kỳ vọng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		% tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	296.351	93.23%	348.639	94,83%	17,64%
Tài sản dài hạn	21.532	6.77%	19.012	5,17%	-11,70%
TỔNG TÀI SẢN	317.882	100%	367.651	100,00%	15,66%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	259.276	100%	308.962	100%	19,16%
Nợ dài hạn	0	0%	0	0%	-
NỢ PHẢI TRẢ	259.276	100%	308.962	100%	19,16%

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Không có

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	So với năm 2015 (%)
1	Giá trị sản lượng	221.000	223.000	100,90%
2	Doanh thu	145.837	210.000	144,00%
3	TLao động bình quân	526	613	116,54%
4	Thu nhập bình quân người/tháng	6,5	6,7	103,08%
5	Đầu tư XDCB	0,6	3,5	583,33%

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- ✓ **Đánh giá các mặt hoạt động của công ty**
- ✓ **Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**
- ✓ **Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hội đồng quản trị nhận thấy công ty gặp khó khăn về mọi mặt như nhân sự, tài chính, máy móc thiết bị. Kết quả kinh doanh chưa đạt kế hoạch đề ra. Tình trạng khó khăn về tài chính ngày càng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị nhận thấy trong năm qua hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, Ban điều hành đã cố gắng nỗ lực đạt được một số kết quả nhất định.

KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm tới Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc như đề án đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời ưu tiên giải quyết các vấn đề cấp bách như xử lý công nợ, đảm bảo tiến độ dự án thực hiện để hoạt động của Công ty thông suốt. Hội đồng quản trị sẽ phối hợp cùng Ban giám đốc đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Công ty, nỗ lực đạt được kết quả kinh doanh kỳ vọng.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp tục duy trì lĩnh vực truyền thống của Công ty đã có kinh nghiệm, năng lực nhân sự và máy móc. Ngoài các đối tác đã hợp tác lâu năm, Công ty sẽ mở rộng phạm vi tìm kiếm hợp tác với các đối tác mới, tạo thế chủ động cho đầu ra của Công ty.

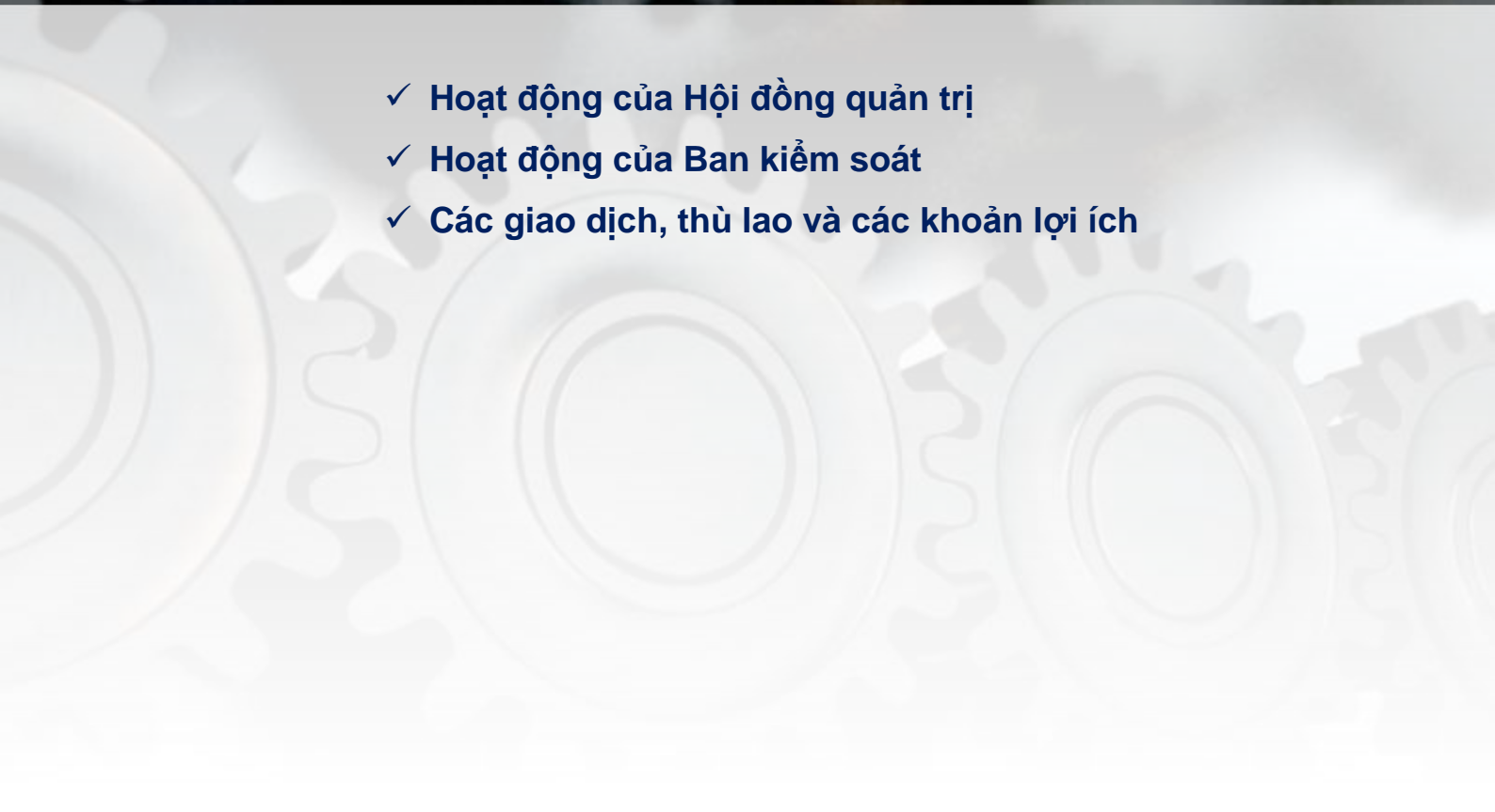
Dự kiến năm đến chưa thực hiện đầu tư lớn, nếu có HĐQT và Ban giám đốc sẽ thực hiện theo đúng chức năng và quyền hạn của mình.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

freestockphoto.com



- ✓ Hoạt động của Hội đồng quản trị
- ✓ Hoạt động của Ban kiểm soát
- ✓ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC PHIÊN HỌP CỦA HĐQT TRONG NĂM 2015

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)
1	Ông Hoàng Văn Dư	Chủ tịch	10/10	100%
2	Ông Nguyễn Bá Sứng	Thành viên	6/6	100%
3	Ông Hoàng Văn Hà	Thành viên	10/10	100%
4	Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	10/10	100%
5	Ông Vũ Thế Phương	Thành viên	10/10	100%
6	Ông Đào Văn Cường	Thành viên	4/4	100%

Ông Nguyễn Bá Sứng được bổ nhiệm vào ngày 20/04/2015; Ông Đào Văn Cường thôi giữ chức vụ từ ngày 20/04/2015.

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT ĐƯỢC CÔNG BỐ ĐẦY ĐỦ THEO QUY ĐỊNH

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Xét thấy với quy mô hoạt động hiện nay, Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ được phân công phụ trách các vấn đề nhân sự, lương thưởng, tài chính, sản xuất kinh doanh,... cụ thể theo tình hình thực tế của từng thời kỳ.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

Các hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2015 như sau:

- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2015.
- Kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2014.
- Nhận xét đánh giá việc quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2015 và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Kiến nghị, kết luận của Ban kiểm soát trong công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
- Kế hoạch công tác năm 2016 của Ban kiểm soát.

Bên cạnh đó, để nắm bắt cụ thể, kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát đã tham dự một số cuộc họp quan trọng của Hội đồng quản trị, có tham gia phát biểu ý kiến tại cuộc họp.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỞNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: nghìn đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù Lao	Tổng thu nhập
1	Hoàng Văn Dư	CT HĐQT	143.744	-	143.744
2	Nguyễn Bá Súng	TV HĐQT, TGD	129.288	-	129.288
3	Hoàng Văn Hà	TV HĐQT, P.TGD	121.010	-	121.010
4	Hoàng Tuấn Anh	TV HĐQT, KTT	104.600	-	104.600
5	Vũ Thế Phương	Thành viên HĐQT	78.847	-	78.847
6	Lê Đình Khanh	Trưởng Ban KS	-	-	-
7	Đặng Tiến Toàn	TV BKS	92.671	-	92.671
8	Nguyễn Kim Tuấn	TV BKS	83.172	-	83.172
Tổng cộng			753.332	0	753.332

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Mối quan hệ với CĐ nội bộ/CĐ lớn	Số cp sở hữu đầu kỳ		Số cp sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Tạ Văn Hùng	Phó Tổng giám đốc	20.000	0,5%	10.000	0,25%	Bán

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Công ty không có giao dịch nội bộ

VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định Pháp luật về quản trị công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 45.4

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 45.4, được lập ngày 22/3/2016, từ trang 06 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TỔNG THỊ BÍCH LAN

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0060-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ

THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

LÊ NGỌC KHUÊ

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 0665-2014-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	Đơn vị tính: đồng 01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		348.639.477.553	296.351.070.997
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.487.477.607	8.723.738.919
1. Tiền	111	V.01	2.487.477.607	8.723.738.919
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.355.962.684	81.288.137.120
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	85.109.290.504	75.706.392.939
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.825.485.853	5.732.969.827
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	1.027.677.371	1.455.265.398
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.606.491.044)	(1.606.491.044)
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	258.775.811.595	206.301.667.338
1. Hàng tồn kho	141		259.276.333.846	206.802.189.589
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(500.522.251)	(500.522.251)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.225.667	37.527.620
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.629.870	4.334.060
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		12.595.797	33.193.560
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.011.850.689	21.531.848.203
II. Tài sản cố định	220		17.027.167.267	19.232.670.764
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	14.045.667.267	16.251.170.764
- Nguyên giá	222		75.439.269.737	74.887.071.385
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(61.393.602.470)	(58.635.900.621)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	2.981.500.000	2.981.500.000
- Nguyên giá	228		2.981.500.000	2.981.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	-	1.080.328.963
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.080.328.963
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.984.683.422	1.218.848.476
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.984.683.422	1.218.848.476
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		367.651.328.242	317.882.919.200

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	Đơn vị tính: đồng 01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		308.961.972.742	259.276.137.045
I. Nợ ngắn hạn	310		308.961.972.742	259.276.137.045
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	62.978.798.047	31.390.528.012
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	49.897.091.391	40.968.404.233
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	4.313.496.861	4.743.076.046
4. Phải trả người lao động	314		9.004.183.822	3.805.716.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	7.908.990.877	9.393.385.414
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	19.393.174.629	13.576.641.023
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	154.955.840.456	154.831.778.944
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		510.396.659	566.607.373
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.689.355.500	58.606.782.155
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	58.689.355.500	58.606.782.155
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.520.000.000	3.520.000.000
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(282.000.000)	(282.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.833.254.447	11.697.105.638
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.000.893.238	1.966.856.036
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.617.207.815	1.704.820.481
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.452.945.184	1.022.676.434
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		164.262.631	682.144.047
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		367.651.328.242	317.882.919.200

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu



Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Hoàng Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Sùng


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Đơn vị tính: đồng Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18	145.837.583.737	192.378.332.563
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		145.837.583.737	192.378.332.563
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	118.050.123.083	162.489.416.174
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.787.460.654	29.888.916.389
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	1.193.318.202	628.062.287
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	15.267.997.628	14.604.843.594
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.863.967.558	14.604.843.594
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.22	12.778.251.954	14.110.596.680
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		934.529.274	1.801.538.402
11. Thu nhập khác	31	VI.23	483.796.383	256.703.550
12. Chi phí khác	32	VI.24	1.075.856.974	1.055.443.355
13. Lợi nhuận khác	40		(592.060.591)	(798.739.805)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		342.468.683	1.002.798.597
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.25	178.206.052	320.654.550
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		164.262.631	682.144.047
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.27	36	151
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		36	151

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu



Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Hoàng Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Sùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp
Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	160.163.462.906	274.542.190.825
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(112.390.160.027)	(180.561.804.566)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(33.275.173.528)	(37.950.795.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(13.975.174.150)	(16.863.143.694)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(1.927.366.683)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	506.910.033	835.652.940
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.165.545.722)	(11.322.434.523)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.135.680.488)	26.752.299.299
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(235.325.000)	(842.487.145)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	375.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	635.682.664	628.062.287
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	775.357.664	(214.424.858)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	127.803.747.122	160.153.281.829
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(127.679.685.610)	(180.514.003.054)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	124.061.512	(20.360.721.225)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.236.261.312)	6.177.153.216
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.723.738.919	2.546.585.703
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.487.477.607	8.723.738.919

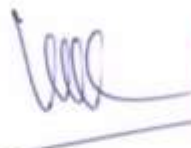
Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu



Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Hoàng Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Sùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Lilama 45.4 là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/08/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11/02/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai..

2. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chỉ tiết đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà);
- Bán buôn vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy; Bán buôn thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây truyền công nghệ, thang máy, vật liệu điện, máy móc thiết bị phụ tùng cơ khí;
- Bảo trì thang máy, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng ;
- Lắp đặt thang máy; Lắp đặt thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa dung dịch lỏng; Lắp đặt hệ thống đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Chế tạo đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Xây dựng công trình công nghiệp ;
- Buôn bán sắt thép; Bán buôn phế liệu (trừ phế liệu độc hại, phế thải nguy hại, phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về môi trường) ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Xây dựng lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp cao thế, trung thế, hạ thế;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (trừ xi mạ, không sản xuất tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà các loại;
- Gia công cơ khí (trừ xi mạ, không gia công tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)/.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐHH, TSCĐVH theo hướng dẫn tại TT 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao.

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí chờ phân bổ khác;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ vay

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ. Khi lập BCTC số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;
Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt trên mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa dịch vụ của Công ty như: chi phí chào hàng, quảng cáo, giới thiệu...(không bao gồm bảo hành công trình xây dựng)

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty...

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: đồng	
1. Tiền		31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt		31.680.000	23.992.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		2.455.797.607	8.699.746.919
Cộng		2.487.477.607	8.723.738.919
2. Phải thu khách hàng		31/12/2015	01/01/2015
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>			
- Công ty CHENGDA - Mặt bằng DH3		6.028.290.239	11.722.953.332
- Viện NCTKKSCN Điện lực Quảng Tây		10.030.736.096	-
- Viện Nghiên Cứu Cơ Khí (NARIME)		18.242.582.020	1.372.489.214
- Các khách hàng khác		39.365.345.473	41.420.854.733
<i>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>			
- Công ty CP Lilama 3 - Công trình Giấy Bãi Bằng		103.420.461	103.420.461
- Công ty CP Lilama 3 - Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4		2.860.255.000	10.021.228.822
- Công ty CP LILAMA 45.1		1.117.549.658	7.728.700.528
- Công ty CP Lilama 7		82.500.000	82.500.000
- Công ty CP Lilama 18		447.002.377	-
- Công ty CP Lilama 69.2		503.814.743	-
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam		6.327.794.437	3.254.245.849
Cộng		85.109.290.504	75.706.392.939
3. Phải thu khác		31/12/2015	01/01/2015
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
			Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.027.677.371	-	1.455.265.398
- Phải thu khác	396.894.227	-	317.489.777
- Tạm ứng	630.783.144	-	1.137.775.621
Cộng	1.027.677.371	-	1.455.265.398
4. Nợ xấu		31/12/2015	01/01/2015
	Giá gốc	Giá trị có	Giá gốc
		thể thu hồi	Giá trị có
			thể thu hồi
<i>a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán</i>			
- Phải thu khách hàng	1.415.580.797	401.000.053	1.415.580.797
- Trả trước cho người bán	591.910.300	-	591.910.300
Cộng	2.007.491.097	401.000.053	401.000.053
5. Hàng tồn kho		31/12/2015	01/01/2015
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
			Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.712.719.926	500.522.251	5.664.825.125
Công cụ, dụng cụ	78.185.193	-	117.838.078
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	255.485.428.727	-	201.019.526.386
Cộng	259.276.333.846	500.522.251	206.802.189.589

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	17.614.784.229	22.457.375.703	24.335.024.176	479.887.277	-	74.887.071.385
Số tăng trong kỳ	1.121.743.072	566.932.000	-	55.750.000	-	1.744.425.072
- Mua trong năm	-	566.932.000	-	55.750.000	-	622.682.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.121.743.072	-	-	-	-	1.121.743.072
Số giảm trong kỳ	-	397.955.360	794.271.360	-	-	1.192.226.720
- Thanh lý, nhượng bán	-	397.955.360	794.271.360	-	-	1.192.226.720
Số dư cuối kỳ	18.736.527.301	22.626.352.343	33.540.752.816	535.637.277	-	75.439.269.737
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	12.245.500.240	19.649.568.480	26.349.722.352	391.109.549	-	58.635.900.621
Số tăng trong kỳ	932.604.897	1.109.327.064	1.867.428.286	40.568.322	-	3.949.928.569
- Khấu hao trong kỳ	932.604.897	1.109.327.064	1.867.428.286	40.568.322	-	3.949.928.569
Số giảm trong kỳ	-	397.955.360	794.271.360	-	-	1.192.226.720
- Thanh lý, nhượng bán	-	397.955.360	794.271.360	-	-	1.192.226.720
Số dư cuối kỳ	13.178.105.137	20.360.940.184	27.422.879.278	431.677.871	-	61.393.602.470
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	5.369.283.989	2.807.807.223	7.985.301.824	88.777.728	-	16.251.170.764
Tại ngày cuối kỳ	5.558.422.164	2.265.412.159	6.117.873.538	103.959.406	-	14.045.667.267
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:						12.571.472.786 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						30.367.302.967 đồng

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Số dư cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Tại ngày cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000

8. Tài sản dở dang dài hạn

	Giá gốc	31/12/2015		01/01/2015	
		Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc
a) Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.080.328.963	1.080.328.963	1.080.328.963
- Xây dựng cơ bản	-	-	1.080.328.963	1.080.328.963	1.080.328.963
+ XD/CB dở dang: Xưởng phun bi	-	-	1.080.328.963	1.080.328.963	1.080.328.963
Cộng	-	-	1.080.328.963	1.080.328.963	1.080.328.963

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
- Phí bảo lãnh thực hiện công trình	210.388.070	824.897.558
- Sửa chữa tài sản cố định	221.527.500	44.000.000
- Tiền thuê đất xưởng cơ khí	99.187.500	146.503.500
- Công cụ dụng cụ	1.453.580.352	203.447.418
Cộng	1.984.683.422	1.218.848.476

10. Phải trả người bán	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
- DNTN Thanh Trúc	7.065.180.968	7.065.180.968	9.211.146.859	9.211.146.859
- Công ty CP KCT và Thiết bị năng Việt Nam	11.270.260.000	11.270.260.000	-	-
- Công ty CP Quốc tế Sao Việt	480.919.167	480.919.167	3.761.471.225	3.761.471.225
- Công ty CP Bất động sản Lilama	11.319.643.209	11.319.643.209	-	-
- Các đối tượng khác	31.363.096.198	31.363.096.198	18.344.573.628	18.344.573.628
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
- Công ty CP Lilama - Thí nghiệm Cơ điện	73.336.300	73.336.300	73.336.300	73.336.300
- Công ty CP Lilama 3	1.019.922.805	1.019.922.805	-	-
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (MTC + Nợ khác)	386.439.400	386.439.400	-	-
Cộng	62.978.798.047	62.978.798.047	31.390.528.012	31.390.528.012

11. Người mua trả tiền trước	31/12/2015		01/01/2015	
	a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
- Công ty CP Thủy điện Thác Mơ		5.958.096.414		5.958.096.414
- Công ty CP ĐTXD và TM Quốc Tế (ICT)		8.750.000.000		-
- Viện NCTKKSCN Điện lực Quảng Tây - TD Vĩnh Hà		-		6.049.506.416
- Các khách hàng khác		21.891.138.480		24.456.598.095
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam		13.297.856.497		4.504.203.308
Cộng		49.897.091.391		40.968.404.233

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2015		31/12/2015	
	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.256.844.753	1.723.374.170	2.996.517.664	983.701.259
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	145.012.492	-	145.012.492
Thuế thu nhập cá nhân	109.347.900	832.823.817	134.272.000	807.899.717
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	94.501.776	5.200.000	5.200.000	94.501.776
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	2.282.381.617	3.000.000	3.000.000	2.282.381.617
Cộng	4.743.076.046	2.709.410.479	3.138.989.664	4.313.496.861
b) Phải thu				
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	12.595.797	12.595.797
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.193.560	33.193.560	-	-
Cộng	33.193.560	33.193.560	12.595.797	12.595.797

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Chi phí phải trả		31/12/2015	01/01/2015
<i>a) Ngắn hạn</i>			
Thủ lao phải trả HĐQT, BKS		-	345.000.000
Chi phí lãi vay		888.793.408	-
Chi phí công trình Trạm biến áp Phú Mỹ		2.293.903.325	3.372.465.712
Chi phí công trình Formusa Hà Tĩnh		265.511.073	3.661.881.435
Chi phí các công trình khác		4.460.783.071	2.014.038.267
Cộng		7.908.990.877	9.393.385.414
14. Phải trả khác		31/12/2015	01/01/2015
<i>a) Ngắn hạn</i>			
Kinh phí công đoàn		283.636.815	70.281.654
Bảo hiểm xã hội		2.577.600.587	1.580.959.159
Bảo hiểm thất nghiệp		2.339.132.477	2.041.936.346
Các khoản phải trả, phải nộp khác		14.192.804.750	9.883.463.864
+ Cổ tức phải trả		6.766.000.000	6.766.000.000
+ Nợ các đội công trình		6.725.821.106	2.444.769.670
+ Quỹ Tinh thương		245.043.180	238.103.180
+ Phải trả khác		455.940.464	434.591.014
Cộng		19.393.174.629	13.576.641.023

15. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2015				01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	154.955.840.456	154.955.840.456	127.803.747.122	127.679.685.610	154.831.778.944	154.831.778.944
+ Vay ngắn hạn ⁽¹⁾						
- Ngân hàng ĐT&PT Đồng Nai	154.955.840.456	154.955.840.456	127.803.747.122	127.679.685.610	154.831.778.944	154.831.778.944

(1) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20/2015/378522 ngày 06/07/2015, thời hạn cấp tín dụng vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất. Mục đích vay để bổ xung vốn lưu động, thời hạn vay được xác định theo từng khế ước nhận nợ, lãi vay được trả hàng tháng.

16. Vốn chủ sở hữu						
<i>a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>						
Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	LNST chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	1.872.819.509	14.234.906.265	59.345.725.774
Tăng vốn năm trước	-	-	-	94.036.527	1.058.290.157	1.152.326.684
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	682.144.047	682.144.047
- Phân phối LN	-	-	-	94.036.527	376.146.110	470.182.637
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	1.891.270.303	1.891.270.303
- Phân phối LN	-	-	-	-	1.889.870.303	1.889.870.303
- Giảm khác	-	-	-	-	1.400.000	1.400.000
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	1.966.856.036	13.401.926.119	58.606.782.155
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	34.037.202	300.411.440	334.448.642
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	164.262.631	164.262.631
- Phân phối LN	-	-	-	34.037.202	136.148.809	170.186.011
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	251.875.297	251.875.297
- Phân phối LN ⁽¹⁾	-	-	-	-	251.875.297	251.875.297
Số dư cuối kỳ	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	2.000.893.238	13.450.462.262	58.689.355.500

⁽¹⁾ Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	136.148.809	đồng
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	34.037.202	đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	81.689.286	đồng
Cộng	251.875.297	đồng

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
Vốn góp của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	18.423.460.000	18.423.460.000
Vốn góp của cổ đông khác	21.576.540.000	21.576.540.000
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.194.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.000	20.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000	20.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.980.000	3.980.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.980.000	3.980.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	31/12/2015	01/01/2015
a) Ngoại tệ các loại		
- USD	1.134,47	556,78

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: đồng	
	Năm nay	Năm trước
18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
Doanh thu của hợp đồng xây lắp được ghi nhận trong kỳ	116.902.559.359	164.667.084.349
b) Doanh thu của hợp đồng xây lắp được ghi nhận trong kỳ với các bên liên quan		
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	20.738.928.714	7.925.799.279
Công ty CP Lilama 45.1	2.262.590.118	9.753.364.116
Công ty CP Lilama 3	1.908.453.899	10.032.084.819
Công ty CP Lilama 10	601.924.248	-
Công ty CP Lilama 18	1.800.632.965	-
Công ty CP Lilama 69.2	1.622.494.434	-
Cộng	145.837.583.737	192.378.332.563
19. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hoạt động xây lắp	118.050.123.083	162.489.416.174
Cộng	118.050.123.083	162.489.416.174

	Năm nay	Năm trước
20. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	635.682.664	627.763.287
Lãi chênh lệch tỷ giá	557.635.538	299.000
Cộng	1.193.318.202	628.062.287
21. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	14.863.967.558	14.604.843.594
Lỗ chênh lệch tỷ giá	404.030.070	-
Cộng	15.267.997.628	14.604.843.594
22. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	4.422.946.611	5.006.981.421
Chi phí quản lý khác	8.355.305.343	9.103.615.259
Cộng	12.778.251.954	14.110.596.680
23. Thu nhập khác		
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	340.909.091	-
Các khoản khác	142.887.292	256.703.550
Cộng	483.796.383	256.703.550
24. Chi phí khác		
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	384.058.825	454.722.083
Phạt vi phạm hành chính	83.500.000	-
Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	348.000.000	374.356.400
Các khoản khác	260.298.149	226.364.872
Cộng	1.075.856.974	1.055.443.355
25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
a. Lợi nhuận trước thuế	342.468.683	1.002.798.597
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	467.558.825	454.722.083
b1. Các khoản điều chỉnh tăng	467.558.825	454.722.083
- Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	384.058.825	454.722.083
- Phạt hành chính chậm nộp bảo hiểm xã hội	75.000.000	-
- Phạt vi phạm hành chính về hoá đơn	8.500.000	-
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	810.027.508	1.457.520.680
d. Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
e. Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành (c*d)	178.206.052	320.654.550
26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.742.186.965	95.976.113.339
Chi phí nhân công	44.479.967.166	48.583.582.405
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.949.928.569	5.159.566.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.131.883.496	86.439.472.231
Chi phí khác bằng tiền	8.990.311.182	13.596.472.233
Cộng	185.294.277.378	249.755.206.429

	Kỳ này	Kỳ trước
27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	164.262.631	682.144.047
b) Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) LN kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
c) Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (=a+b)	164.262.631	682.144.047
d) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (thực tế/tạm tính) trong kỳ (*)	19.711.516	81.689.286
e) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.980.000	3.980.000
f) Lãi cơ bản trên cổ phiếu =(c-d)/e	36	151
g) Lãi suy giảm trên cổ phiếu =(c-d)/e	36	151

(*) (thực tế/tạm tính) theo công thức:

- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2014 được xác định theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 23/04/2015 về việc phân phối lợi nhuận năm 2014.

- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi tạm tính cho năm 2015 được xác định bằng tỷ lệ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2014 chia cho lợi nhuận sau thuế năm 2014 nhân với lợi nhuận sau thuế năm 2015.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Cổ đông lớn	Thu tiền khối lượng Nhận tạm ứng theo hợp đồng Chi phí sử dụng cầu, điện, nước... Bù trừ công nợ	11.184.692.722 16.137.657.524 1.235.769.358 1.404.835.469
2	Công ty Cổ phần Lilama 3	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Thu tiền khối lượng Chi phí thuê gia công Trả tiền thuê gia công	9.260.273.111 2.131.423.550 610.825.600
3	Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Thu tiền khối lượng Mua vật tư Thuê vận chuyển Trả tiền mua vật tư	9.100.000.000 3.396.370.362 1.436.121.600 5.315.741.158
4	Công ty Cổ phần Lilama 10	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Thu tiền khối lượng	662.116.673
5	Công ty Cổ phần Lilama 18	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Thu tiền khối lượng	1.533.693.885
6	Công ty Cổ phần Lilama 69.2	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Thu tiền khối lượng	1.280.929.134

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) đồng
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Cổ đông lớn	BHXH công nhân biệt	1.517.000

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký trong năm 2015

TT Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1 Hoàng Văn Dư	Chủ tịch Hội đồng quản trị	143.744.000	-
2 Nguyễn Bá Sừng	Thành viên Hội đồng quản trị	129.288.000	-
3 Hoàng Văn Hà	Thành viên Hội đồng quản trị	121.010.000	-
4 Hoàng Tuấn Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	104.600.000	-
5 Vũ Thế Phương	Thành viên Hội đồng quản trị	78.847.000	-
6 Đặng Tiến Toàn	Thành viên Ban kiểm soát	92.671.000	-
7 Nguyễn Kim Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	83.172.000	-
8 Phan Thị Thanh Thủy	Thư Ký	85.310.000	-
Tổng cộng		838.642.000	-

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ - ĐHĐCĐ ngày 23/04/2015 thì Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị sẽ không được nhận thù lao trong năm 2015.

3. Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng một khu vực địa lý và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

4. Thông tin so sánh

Như trình bày tại mục 01, thuyết minh III, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Số báo cáo năm trước	Số phân loại	Mã số	Số sau phân loại
Bảng cân đối kế toán					
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	80.150.361.499	1.137.775.621	130	81.288.137.120
Phải thu ngắn hạn khác	138	317.489.777	1.137.775.621	136	1.455.265.398
Tài sản ngắn hạn khác	150	1.175.303.241	(1.137.775.621)	150	37.527.620
Tài sản ngắn hạn khác	158	1.137.775.621	(1.137.775.621)	155	-
Tài sản cố định	220	20.312.999.727	(1.080.328.963)	220	19.232.670.764
Tài sản dở dang dài hạn		-	1.080.328.963	240	1.080.328.963
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	1.080.328.963	-	242	1.080.328.963
Quỹ đầu tư phát triển	417	11.176.461.075	520.644.563	418	11.697.105.638
Quỹ dự phòng tài chính	418	520.644.563	(520.644.563)		-
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	171	(20)	70	151

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Anh

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Sừng

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÁ SỨNG